

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2026/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về tổ chức tài chính vi mô liên quan đến cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về tổ chức tài chính vi mô liên quan đến cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 19/2025/TT-NHNN QUY ĐỊNH VỀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 64/2025/TT-NHNN

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thẩm quyền của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:

a) Chấp thuận thành lập phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô;

b) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực:

a) Chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô;

b) Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn, bao gồm cả trường hợp thay đổi địa điểm trước khi khai trương hoạt động;

c) Chấp thuận việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô;

d) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 14

“Điều 14. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô

1. Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

Đối với việc thành lập phòng giao dịch, Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên phải nêu rõ tên, địa điểm đặt trụ sở dự kiến (thông tin đến địa bàn cấp xã), chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch, các nghiệp vụ phòng giao dịch sẽ thực hiện, phạm vi hoạt động về mặt địa lý.

3. Đề án thành lập chi nhánh, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ trụ sở dự kiến (thông tin đến địa bàn cấp xã), nội dung hoạt động của chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô;

b) Cơ cấu tổ chức của chi nhánh; dự kiến nhân sự chủ chốt (Giám đốc chi nhánh, cán bộ kế toán và các chức danh chủ chốt khác theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô);

c) Văn bản thỏa thuận hoặc Văn bản ghi nhớ giữa tổ chức tài chính vi mô và tổ chức chính trị - xã hội hoặc chính quyền địa phương về việc phối hợp cho vay thông qua tổ vay vốn;

d) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm:

(i) Phân tích môi trường kinh doanh (cơ hội, thách thức);

(ii) Đối tượng khách hàng và sản phẩm dự kiến cung cấp;

(iii) Dự kiến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 16

“Điều 16. Trình tự chấp thuận thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô

1. Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ tương ứng với từng loại hình mạng lưới theo quy định tại Điều 14 Thông tư này gửi Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản gửi tổ chức tài chính vi mô xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện.

Tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực. Quá thời hạn này mà không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, tổ chức tài chính vi mô phải gửi lại hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này để Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét, chấp thuận.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch về:

a) Sự cần thiết thành lập hoặc thành lập thêm phòng giao dịch;

b) Các địa bàn dự kiến mở phòng giao dịch;

c) Việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của Thông tư này đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch trên địa bàn.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.

4. Trong thời hạn 28 ngày (đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch) hoặc 10 ngày (đối với trường hợp thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp) kể từ ngày xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận đề nghị thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ

chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp quy định tại khoản 4 Điều này, tổ chức tài chính vi mô phải khai trương hoạt động phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. Quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động, văn bản chấp thuận đương nhiên hết hiệu lực.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 17

“3. Tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chậm nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động văn bản thông báo về các nội dung sau:

- a) Ngày dự kiến khai trương hoạt động;
- b) Việc đáp ứng các yêu cầu khai trương hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;
- c) Thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên, thông tin về địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 26

“b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận đề nghị của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 27

“Điều 27. Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô bị bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp có thông tin sai sự thực dẫn đến đánh giá sai về việc đáp ứng đủ điều kiện thành lập;
- b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch khi chưa được chấp thuận bằng văn bản;
- c) Hoạt động không đúng nội dung hoạt động được phép theo quy định của pháp luật.

2. Khi phát hiện một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có văn bản trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (đối với trường hợp chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh) hoặc gửi Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng (đối với trường hợp chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch) đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô, trong đó nêu rõ lý do đề nghị.

3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trong quá trình giám sát phát hiện trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản (đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của phòng giao dịch) hoặc trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản (đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh) yêu cầu tổ chức tài chính vi mô chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch.

4. Khi phát hiện một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô, trong đó nêu rõ lý do đề nghị.

5. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều này hoặc trong quá trình quản lý phát hiện trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

6. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tài chính vi mô phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp) về kết quả thực hiện và ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.

7. Trong thời hạn quy định tại khoản 6 Điều này, trường hợp chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, tổ chức tài chính vi mô phải hoàn tất việc thay đổi chi nhánh quản lý hoặc chấm dứt hoạt động các phòng giao dịch trực thuộc chi nhánh bị chấm dứt hoạt động, giải thể. Trường hợp chấm dứt hoạt động của

phòng giao dịch theo quy định tại khoản này, tổ chức tài chính vi mô phải chuyển giao toàn bộ tài sản, hồ sơ, quyền và nghĩa vụ liên quan của phòng giao dịch đó về trụ sở chính hoặc một chi nhánh khác để tiếp tục quản lý, thu hồi công nợ theo quy định của pháp luật.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 32

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận hoặc không chấp thuận theo quy định tại Điều 16, Điều 20, Điều 26 Thông tư này đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này hoặc kể từ ngày nhận được thông báo, báo cáo của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước thông tin về các nội dung sau:

a) Việc khai trương chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

b) Việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

c) Việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch;

d) Việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

đ) Việc thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;

e) Việc bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 1 Điều 33

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

“d) Đầu mỗi xem xét, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến việc thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm đ như sau:

“đ) Cung cấp văn bản chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch để thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh;”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm g như sau:

“g) Tiếp nhận báo cáo, thông báo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực và tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 6 Điều 27, khoản 5 Điều 32 Thông tư này.”.

Điều 9. Thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-NHNN

Thay thế Phụ lục I, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-NHNN bằng Phụ lục I, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 54/2025/TT-NHNN QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, TRÌNH TỰ CẤP GIẤY PHÉP, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng xem xét, chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô.”.

2. Bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính quyết định cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc đối với tổ chức tài chính vi mô.”.

Điều 11. Sửa đổi tên Điều và sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 6

1. Sửa đổi tên Điều như sau:

“Điều 6. Nguyên tắc lập, gửi, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả”.

2. Bãi bỏ khoản 6.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, văn bản trả lời, văn bản xác nhận, văn bản chấp thuận, Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước được ban hành dưới dạng bản giấy hoặc văn bản điện tử.”.

Điều 12. Bãi bỏ điểm d(ii), điểm d(v) khoản 1 Điều 7

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9

“1. Ban trụ bị lập 01 bộ Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc theo quy định tại khoản 1 Điều 7 hoặc khoản 1 Điều 8 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước.

Ngân hàng Nhà nước khai thác các thông tin cần thiết từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khi xem xét, thẩm định thông tin tương ứng về đăng ký doanh nghiệp của thành viên sáng lập tổ chức tài chính vi mô; cư trú, lý lịch tư pháp, văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ, chuyên môn của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô.

Trường hợp không khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu Ban trụ bị cung cấp bổ sung giấy tờ, tài liệu hoặc văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để chứng minh thông tin về đăng ký doanh nghiệp của thành viên sáng lập tổ chức tài chính vi mô; thông tin về cư trú, văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ, chuyên môn của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11

Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số khoản của Điều 20

1. Bãi bỏ khoản 4.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Các văn bằng, chứng chỉ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21

“1. Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 20 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự.

Ngân hàng Nhà nước khai thác các thông tin cần thiết từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khi xem xét, thẩm định thông tin tương ứng về cư trú, lý lịch tư pháp, văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ, chuyên môn của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô.

Trường hợp không khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tài chính vi mô cung cấp bổ sung giấy tờ, tài liệu hoặc văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp

luật để chứng minh thông tin về cư trú, văn bằng, chứng chỉ của nhân sự dự kiến.”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm của khoản 1 Điều 30

1. Bãi bỏ điểm b.
2. Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“c) Làm đầu mối thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các đơn vị có liên quan; trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp cung cấp thông tin về lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô trong trường hợp không khai thác được thông tin liên quan đến lý lịch tư pháp từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ; có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô;”.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 31

“Điều 31. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực

1. Cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc đối với tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này.
2. Thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của đơn vị trực thuộc của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn theo quy định của pháp luật.
3. Tham gia ý kiến với Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 9 Thông tư này.
4. Tham gia ý kiến bằng văn bản theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này trên cơ sở đề nghị của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 30 Thông tư này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.
5. Sau khi nhận được thông báo của tổ chức tài chính vi mô về điều kiện khai trương hoạt động theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, kiểm tra, chỉ đạo, giám sát tổ chức tài chính vi mô thực hiện và đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước trước khi tiến hành khai trương hoạt động và báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) về điều kiện và tình hình tiến hành khai trương hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.
6. Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra tổ chức tài chính vi mô có hoạt động trên địa bàn trong việc thực hiện quy định tại Thông tư này.”.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục X

Thay thế cụm từ “Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực”.

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 56/2025/TT-NHNN QUY ĐỊNH HỒ SƠ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN THAY ĐỔI CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 4

“b) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại Điều 5, 6 Thông tư này.”.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5

“2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 6

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tài chính vi mô có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới theo quy định của pháp luật có liên quan.

Đối với văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tài chính vi mô có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và dữ liệu thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đó có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, tổ chức tài chính vi mô bổ sung thông tin về mã Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại văn bản đề nghị quy định tại điểm a khoản này. Trong trường hợp này, tổ chức tài chính vi mô không cần nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính không khai thác được thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính đề nghị tổ chức tài chính vi mô nộp bổ sung bản sao

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tài chính vi mô lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi dự kiến đặt trụ sở chính. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều này có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, tổ chức tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi đặt trụ sở chính văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô.”.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung điểm đ(iv) khoản 1 Điều 11

“(iv) Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;”.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 13

1. Bãi bỏ điểm c khoản 1.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14

“1. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:

a) Đầu mối tiếp nhận hồ sơ và thẩm định trình Thống đốc Ngân hàng Nhà

nước xem xét, quyết định các nội dung thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 Thông tư này;

b) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

(i) Có văn bản đề nghị cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp cung cấp thông tin liên quan đến lý lịch tư pháp của người đại diện vốn góp, án tích của thành viên góp vốn mới khi xử lý đề nghị chấp thuận thay đổi theo quy định tại Điều 11 Thông tư này trong trường hợp không khai thác được thông tin liên quan đến lý lịch tư pháp từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ;

(ii) Có văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính về việc mua bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của chủ sở hữu khi xử lý đề nghị chấp thuận thay đổi theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

c) Lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính trong các trường hợp sau:

(i) Gia hạn thời hạn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô;

(ii) Mua bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô;

d) Thông báo về các văn bản chấp thuận, Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với các nội dung quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước ra Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với các nội dung quy định tại Điều 7, 8, 9 Thông tư này, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép cho Cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.”.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều 15

“Điều 15. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực

1. Đầu mỗi tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với các nội dung thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại Điều 5, 6 Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô trong trường hợp địa điểm mới nằm ngoài địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đang đặt trụ sở chính khi xử lý đề nghị chấp thuận thay đổi theo quy

định tại Điều 6 Thông tư này.

3. Gửi Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với các nội dung quy định tại Điều 5, 6 Thông tư này cho Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với các nội dung quy định tại Điều 5, 6 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép cho Cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực:

a) Kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện của trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tổ chức tài chính vi mô;

b) Có biên bản xác nhận việc đáp ứng hoặc không đáp ứng các yêu cầu để được hoạt động tại địa điểm mới.

6. Tham gia ý kiến theo đề nghị của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng về gia hạn thời hạn hoạt động và mua bán, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô.”.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 5 năm 2026.

2. Thông tư này bãi bỏ Điều 7, Điều 9, khoản 2 Điều 10, Điều 13, Phụ lục I, Phụ lục III Thông tư số 64/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2025/TT-NHNN quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 28. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

**KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Đoàn Thái Sơn

Phụ lục I
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI NHÁNH,
PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-NHNN ngày 19 tháng 5 năm 2026
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

TÊN TỔ CHỨC
TÀI CHÍNH VI MÔ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI NHÁNH/
PHÒNG GIAO DỊCH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/Cục Quản lý, giám sát tổ chức
tín dụng/Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực...

Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: ...
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có): ...
- Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có): ...
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có): ...
- Mã số doanh nghiệp: ...
- Mã định danh tổ chức (nếu có): ...
- Địa điểm đặt trụ sở chính: ...
- Số điện thoại: ...
- Địa chỉ thư điện tử: ...

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam/Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng/Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực ... chấp thuận thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp như sau:

I. Đơn vị mạng lưới đề nghị thành lập:

1. Thành lập chi nhánh:

1.1. Chi nhánh thứ nhất:

1.1.1. Tên chi nhánh:

- a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: ...; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có): ...
- b) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có): ...; tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có): ...

1.1.2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở chi nhánh (xã/phường/đặc khu trực thuộc tỉnh/thành phố; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương): ...

1.1.3. Chi nhánh thuộc/không thuộc vùng nông thôn: ...

1.2. Chi nhánh thứ n: (nội dung khai tương tự chi nhánh thứ nhất)

2. Thành lập phòng giao dịch:

2.1. Phòng giao dịch thứ nhất:

2.1.1. Tên phòng giao dịch:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: ...; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có): ...

b) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có): ...; tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có): ...

2.1.2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch (xã/phường/đặc khu trực thuộc tỉnh/thành phố; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương): ...

2.1.3. Phòng giao dịch thuộc/không thuộc vùng nông thôn: ...

2.1.4. Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch: ...

2.2. Phòng giao dịch thứ n: (nội dung khai tương tự phòng giao dịch thứ nhất)

3. Thành lập đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện:

3.1. Tên đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện: ...

3.2. Địa điểm đặt trụ sở đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện: ...

II. Đánh giá việc tổ chức tài chính vi mô đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp:

A. Đối với điều kiện thành lập chi nhánh: (liệt kê các nội dung sau theo từng chi nhánh dự kiến thành lập)

1. Đối với tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Có cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy quản trị, điều hành, Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ; hệ thống kiểm soát nội bộ; hoạt động cấp tín dụng; các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động đảm bảo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

- Hội đồng thành viên nhiệm kỳ:

STT	Họ và tên	Chức danh (Chủ tịch, thành viên)
1		
2		
...		

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ:

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên)
1		
2		
...		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc): ...

1.2. Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm cuối tháng trước liền kề tháng đề nghị tối thiểu 10% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ:

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

- Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm ... là ...%

- Tổng tài sản tại thời điểm ... là ...

- Vốn cấp 1 tại thời điểm ... là ...

1.3. Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ:

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm ... là ...%

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm ... là ...%

- Tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ tại thời điểm ... là ...%

1.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

1.5. Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

- Tỷ lệ vốn cấp 1 so với tổng tài sản tại thời điểm ... là ...%
- Tổng tài sản tại thời điểm ... là ...
- Vốn cấp 1 tại thời điểm ... là ...

2.3. Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 03% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị tối đa 01% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ:

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

- Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm ... là ...%
- Tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ tại thời điểm ... là ...%

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liên tiếp liền kề trước thời điểm đề nghị (trường hợp tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động trên 03 tháng) hoặc trong các tháng liền kề trước thời điểm đề nghị (trường hợp tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 03 tháng):

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

2.5. Hoạt động kinh doanh có lãi đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

Kết quả kinh doanh tại thời điểm ... là ... (trong đó nêu rõ thu nhập, chi phí).

2.6. Không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động tại thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

2.7. Đảm bảo quy định về số lượng chi nhánh được phép thành lập:

a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

- Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch hiện có: ...
- Số lượng chi nhánh đề nghị thành lập: ...
- Giá trị thực của vốn điều lệ được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm ... là ...

B. Đối với điều kiện thành lập phòng giao dịch: (liệt kê các nội dung sau theo từng phòng giao dịch dự kiến thành lập)

1. Điều kiện thành lập phòng giao dịch:

Phụ lục III
MẪU QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN THÀNH LẬP PHÒNG GIAO DỊCH,
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-NHNN ngày 19 tháng 5 năm 2026
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
 VIỆT NAM
 ...⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện,
đơn vị sự nghiệp ...

...⁽²⁾

Căn cứ ...⁽³⁾;

Xét đề nghị chấp thuận thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp tại Văn bản số ... tháng ... năm ... của tổ chức tài chính vi mô ... (tên tổ chức) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị ...⁽⁴⁾.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận việc thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô ... (tên tổ chức) như sau:

1. Tên của phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: ...
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có): ...
- Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có): ...
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có): ...

2. Địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp:

...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Điều 3. ...⁽⁵⁾ của tổ chức tài chính vi mô ... (tên tổ chức) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh/thành phố ...;
- Lưu: ...

CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC

Ghi chú:

- (1): Tên đơn vị xử lý.
- (2): Chức vụ của người đứng đầu đơn vị xử lý tại Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng/Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.
- (3): Các văn bản quy phạm pháp luật được sử dụng làm căn cứ.
- (4): Chức vụ của người đứng đầu bộ phận xử lý tại Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng/Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.
- (5): Chức danh của người có liên quan đến việc thực hiện Quyết định.